

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 58/2004/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2004

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn về thành viên và giao dịch chứng khoán

Thi hành Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Nghị định số 144/2003/NĐ-CP), Bộ Tài chính hướng dẫn về Thành viên và Giao dịch chứng khoán như sau:

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này quy định về thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán (TTGDCK) hoặc Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và giao dịch chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán tập trung.

2. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Thành viên TTGDCK hoặc SGDCK (sau đây gọi tắt là thành viên) là công ty chứng khoán được TTGDCK hoặc SGDCK chấp thuận giao dịch chứng khoán qua hệ thống giao dịch của TTGDCK hoặc SGDCK.

2.2 Hệ thống giao dịch là hệ thống máy tính dùng cho hoạt động giao dịch tại TTGDCK hoặc SGDCK.

2.3. Hệ thống chuyển lệnh là hệ thống thực hiện việc chuyển các lệnh giao dịch từ thành viên đến TTGDCK hoặc SGDCK.

2.4. Biên độ dao động giá là giới hạn dao động giá chứng khoán quy định trong ngày giao dịch được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá tham chiếu.

2.5. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh.

2.6. Giá mở cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh đầu tiên trong ngày giao dịch.

2.7. Giá đóng cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được

xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.

2.8. Giá tham chiếu là mức giá làm cơ sở cho việc tính giới hạn dao động giá chứng khoán trong ngày giao dịch.

2.9. Lệnh giới hạn là lệnh mua hoặc bán chứng khoán do người đầu tư đưa ra cho người môi giới thực hiện theo mức giá chỉ định hoặc tốt hơn.

2.10. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh (viết tắt là ATO) là lệnh mua hoặc bán chứng khoán nhưng không ghi mức giá, do người đầu tư đưa ra cho người môi giới để thực hiện theo mức giá khớp lệnh.

2.11. Trạm đầu cuối là các thiết bị đầu vào và đầu ra dùng để nhận hoặc chuyển thông tin.

## **II. THÀNH VIÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HOẶC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

1. Điều kiện làm thành viên của TTGDCK hoặc SGDCK

Điều kiện để công ty chứng khoán làm thành viên của TTGDCK hoặc SGDCK bao gồm:

1.1. Được UBCKNN cấp Giấy phép kinh doanh chứng khoán để hoạt động nghiệp vụ môi giới hoặc tự doanh chứng khoán.

1.2. Có hệ thống nhận lệnh, chuyển lệnh và các trạm đầu cuối đảm bảo khả năng kết nối với hệ thống giao dịch của TTGDCK hoặc SGDCK.

2. Đăng ký làm thành viên

2.1. Hồ sơ đăng ký làm thành viên bao gồm:

2.1.1. Đơn đăng ký làm thành viên (theo Mẫu TV.GD-01 kèm theo Thông tư này);

2.1.2. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chứng khoán;

2.1.3. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của các nhân viên kinh doanh được cử làm đại diện giao dịch tại TTGDCK hoặc SGDCK;

2.1.4. Quy trình nghiệp vụ các hoạt động về giao dịch chứng khoán của thành viên.

2.2. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ và hoàn tất các thủ tục cho hoạt động giao dịch, TTGDCK hoặc SGDCK có văn bản chấp thuận đăng

ký thành viên của công ty chứng khoán. Trường hợp không chấp thuận, TTGDCK hoặc SGDCK phải có văn bản nêu rõ lý do.

### 3. Quyền hạn của thành viên

3.1. Được giao dịch chứng khoán tại TTGDCK hoặc SGDCK.

3.2. Được sử dụng hệ thống thiết bị, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ do TTGDCK hoặc SGDCK cung cấp.

3.3. Thu các loại phí cung cấp dịch vụ phục vụ cho giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định của pháp luật.

3.4. Đề nghị TTGDCK hoặc SGDCK làm trung gian hoà giải khi có tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán.

3.5. Được rút khỏi tư cách thành viên sau khi có sự chấp thuận của TTGDCK hoặc SGDCK.

### 4. Nghĩa vụ của thành viên

4.1. Tuân thủ quy định về thành viên của TTGDCK hoặc SGDCK.

4.2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của TTGDCK hoặc SGDCK và UBCKNN.

4.3. Nộp các loại phí cho TTGDCK hoặc SGDCK theo quy định của pháp luật.

4.4. Nộp cho TTGDCK hoặc SGDCK, Trung tâm lưu ký các khoản đóng góp lập Quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định của pháp luật.

4.5. Tuân thủ các quy định về báo cáo và công bố thông tin của thành viên theo qui định tại Thông tư hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4.6. Báo cáo TTGDCK hoặc SGDCK:

4.6.1. Tình hình hoạt động và tài chính hàng năm, quý của công ty theo quy định của pháp luật;

4.6.2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng theo qui định tại Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán; Báo cáo giao dịch chứng khoán hàng tháng (theo Mẫu TV.GD-02 kèm theo Thông tư này) trong thời hạn 05 ngày đầu của tháng tiếp theo;

4.6.3. Các thông tin liên quan đến hoạt động của thành viên khi có yêu cầu của UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK trong trường hợp cần thiết.

## 5. Chấm dứt tư cách thành viên

Thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp sau đây:

- 5.1. Không đáp ứng được các điều kiện qui định tại Khoản 1 Mục II Thông tư này.
- 5.2. Bị thu hồi Giấy phép kinh doanh chứng khoán theo qui định tại Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP.
- 5.3. Vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống qui định về thành viên của TTGDCK hoặc SGDCK.
- 5.4. Tự nguyện rút khỏi tư cách thành viên và được TTGDCK hoặc SGDCK chấp thuận.

## 6. Đại diện giao dịch của thành viên

- 6.1. Đại diện giao dịch của thành viên tại TTGDCK hoặc SGDCK là nhân viên kinh doanh do thành viên cử, được TTGDCK hoặc SGDCK cấp thẻ đại diện giao dịch. Thẻ đại diện giao dịch có giá trị 02 năm và được cấp lại theo đề nghị của thành viên.
- 6.2. Hoạt động của đại diện giao dịch phải tuân thủ các quy định của TTGDCK hoặc SGDCK về đại diện giao dịch. Thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch tại TTGDCK hoặc SGDCK.
- 6.3. Thẻ đại diện giao dịch bị thu hồi trong các trường hợp sau:
  - 6.3.1. Thành viên yêu cầu TTGDCK hoặc SGDCK thu hồi thẻ đại diện giao dịch.
  - 6.3.2. Đại diện giao dịch bị thu hồi chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.
  - 6.3.3. Đại diện giao dịch vi phạm nghiêm trọng các quy định của TTGDCK hoặc SGDCK về đại diện giao dịch.
- 6.4. Thẻ đại diện giao dịch chỉ được cấp lại sau 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

## 7. Giao dịch chứng khoán của thành viên

- 7.1. Thành viên phải thực hiện giao dịch chứng khoán niêm yết cho khách hàng và giao dịch tự doanh thông qua hệ thống giao dịch tại TTGDCK hoặc SGDCK trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ của khách hàng theo danh sách cổ đông đã đăng ký với TTGDCK hoặc SGDCK.
- 7.2. Thành viên phải ký hợp đồng bằng văn bản khi mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng theo qui định tại Quy chế về Tổ chức và hoạt động của công

ty chứng khoán.

7.3. Thành viên trực tiếp nhận lệnh giao dịch chứng khoán của khách hàng bằng phiếu lệnh (theo Mẫu TV.GD-03 kèm theo Thông tư này) tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, đại lý nhận lệnh. Trường hợp thành viên nhận lệnh giao dịch chứng khoán thông qua các phương tiện điện thoại, fax, telex, mạng Internet, thành viên yêu cầu khách hàng gửi phiếu lệnh trong ngày giao dịch. Phiếu lệnh do khách hàng lập phải được lưu trữ tại địa điểm nhận lệnh.

7.4. Thành viên phải kiểm tra ký quỹ giao dịch trên tài khoản của khách hàng theo quy định tại Khoản 8 Mục III Thông tư này trước khi nhập lệnh giao dịch chứng khoán vào hệ thống giao dịch.

7.5. Thành viên lập và lưu giữ sổ nhận lệnh giao dịch (theo Mẫu TV.GD-04 kèm theo Thông tư này) trong ngày giao dịch bao gồm các nội dung sau:

7.5.1. Lệnh giao dịch chứng khoán nhận trong ngày;

7.5.2. Lệnh giao dịch được thực hiện và không được thực hiện trong ngày.

7.6. Thành viên gửi thông báo cho khách hàng bằng văn bản xác nhận kết quả thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán của khách hàng ngay trong ngày thực hiện giao dịch. Văn bản xác nhận kết quả thực hiện lệnh được lập thành 02 bản chính, 01 bản gửi cho khách hàng, 01 bản lưu tại trụ sở của thành viên.

Trường hợp thành viên sử dụng hình thức xác nhận kết quả giao dịch khác thì phải được nêu rõ trong hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng.

7.7. Thành viên phải lưu giữ, bảo mật tài khoản và hồ sơ giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định của pháp luật.

7.8. Hàng tháng hoặc theo yêu cầu của khách hàng, thành viên phải gửi cho từng khách hàng bản Sao kê tài khoản tiền và chứng khoán (theo Mẫu TV.GD-05 kèm theo Thông tư này) trong thời hạn 05 ngày đầu của tháng tiếp theo hoặc sau 05 ngày kể từ ngày có yêu cầu.

7.9. Thành viên có nghĩa vụ cung cấp những thông tin cần thiết liên quan đến tài khoản của khách hàng nhằm mục đích quản lý, giám sát, thanh tra theo yêu cầu của TTGDCK hoặc SGDCK, UBCKNN và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.